

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 59/2021/HS-ST
Ngày 17-9-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiểm;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Dương Minh;

Ông Vương Lê Hoàng;

Ông Phạm Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn B, Tên gọi khác: S, sinh ngày 05/02/1972 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Trần Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2021 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Như H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985; có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983; có mặt.

3. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1983; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 15/6/2011, Tổ công tác Phòng PA61 (nay là PA01) Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Đội kiểm soát Hải quan cửa khẩu C làm nhiệm vụ tại khu vực biên giới thuộc thôn N (nay là thôn Q), xã Y, huyện L, phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn T2, sinh năm 1986, trú tại thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có hành vi vận chuyển 01 túi nilon màu đen bên trong có 369.500.000 đồng tiền Việt Nam giả, gồm các loại mệnh giá 500.000 đồng/tờ có 699 tờ, mệnh giá 200.000 đồng/tờ có 100 tờ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ người cùng tang vật.

Trước đó khoảng đầu tháng 6/2011, Hoàng Văn T, sinh năm 1983, trú tại thôn P, xã T, huyện L gặp Hoàng Văn H, sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã T, huyện L bàn bạc về việc cùng nhau đi mua tiền giả về để mua ma túy đem sang Trung Quốc bán.

Sáng ngày 10/6/2011, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H đến gặp người quen là Trịnh Văn Q, sinh năm 1972, trú tại thôn N, xã Y, huyện L tại khu vực cửa khẩu C, xã Y, huyện L nhờ tìm chỗ mua tiền giả. Trịnh Văn Q đưa Hoàng Văn T, Hoàng Văn H đến gần chợ Ái Diễm, Trung Quốc gặp Phạm Văn B (S) và hai người phụ nữ tên T1 và L (không rõ họ). Khi T1 lấy 02 tờ tiền giả loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ và 500.000 đồng/tờ cho Hoàng Văn T, Hoàng Văn H xem xong, Phạm Văn B nói giá mua tiền giả là 10% và cho Hoàng Văn T số điện thoại 0985.722.237 của Phạm Văn B để liên lạc. Buổi chiều cùng ngày Hoàng Văn T, Hoàng Văn H quay về Việt Nam, trên đường về cả hai thống nhất lấy xe máy đi cầm cố lấy tiền thật để mua tiền giả với Phạm Văn B.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 11/6/2011, Hoàng Văn T gọi điện cho Phạm Văn B thỏa thuận về việc mua tiền giả, sau đó Hoàng Văn T gọi điện cho Hoàng Văn H đến đón Hoàng Văn Q, sinh năm 1983, trú tại thôn N, xã T, huyện L đến nhà Hoàng Văn T bàn bạc, cùng nhau thống nhất ngày 12/6/2011 sẽ mang xe máy của Hoàng Văn T, Hoàng Văn H đi cầm cố lấy tiền đi mua tiền giả. Đến sáng ngày 12/6/2011, Hoàng Văn T gọi điện cho Hoàng Văn H bảo Hoàng Văn T2 (em trai Hoàng Văn Q) mang xe máy của Hoàng Văn T2 đi cầm cố, Hoàng Văn T2 đồng ý. Sau đó Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q mỗi người đi một xe đến hiệu cầm đồ của Lộc Văn H ở thị trấn N để cầm cố 03 chiếc xe máy được 37.000.000 đồng. Hoàng Văn T bảo Hoàng Văn H cứ cầm tiền sang nhà Phạm Văn B ở Ái Diễm, Trung Quốc trước. Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q đón xe ô tô khách vào cửa khẩu C, theo đường mòn sang nhà Phạm Văn B chờ Hoàng Văn T sang sau.

Khoảng 17 giờ ngày 13/6/2011, Hoàng Văn T sang nhà Phạm Văn B gặp Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2, Hoàng Văn Q; sau đó Hoàng Văn T, Hoàng Văn H lên tầng 2 gặp Phạm Văn B, T1. Tại đây, Hoàng Văn T thỏa thuận mua với

Phạm Văn B 370.000.000 đồng tiền giả, nhưng đưa trước 36.000.000 đồng tiền thật, số còn thiếu sẽ trả sau, Phạm Văn B đồng ý và cho biết phải đợi 2-3 ngày nữa mới có tiền giả. Sau đó Hoàng Văn T rủ Hoàng Văn Q về Việt Nam trước, Hoàng Văn H và Hoàng Văn T2 ở lại chờ lấy tiền giả. Đến chiều ngày 14/6/2011, Hoàng Văn H bảo Hoàng Văn T2 quay về Việt Nam đợi.

Trưa ngày 15/6/2011, Hoàng Văn T sang gặp Phạm Văn B và gọi điện cho Hoàng Văn H sang lấy tiền giả, rồi đi về Việt Nam. Khi đến nhà Phạm Văn B, Hoàng Văn H liên lạc bảo Hoàng Văn T2 đến chiều vào đường biên giới nhận tiền giả. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Hoàng Văn H thấy T1 cầm về một túi nilon màu đen, Phạm Văn B cho Hoàng Văn H biết bên trong có đủ 370.000.000 đồng tiền giả, không cần phải kiểm đếm. Sau đó Hoàng Văn H, Phạm Văn B đi về phía Việt Nam trước, T1 và L cầm túi tiền giả theo sau. Trên đường đi, Phạm Văn B nói với Hoàng Văn H khi vận chuyển tiền giả về phải đi bình tĩnh, không nên đi lén lút, đồng thời cho nhau số điện thoại để liên lạc. Khi đến đường biên giới, Hoàng Văn H nhận túi tiền giả từ T1 rồi về Việt Nam, đi được khoảng 300 mét thì gặp Hoàng Văn T2 đang ngồi đợi, Hoàng Văn H đưa cho Hoàng Văn T2 túi tiền giả và cho biết bên trong có 370.000.000 đồng, bảo Hoàng Văn T2 mang về, Hoàng Văn T2 đồng ý. Sau đó Hoàng Văn H quay lại hướng Trung Quốc và về Việt Nam theo đường cửa khẩu C, huyện L. Trên đường đi, Hoàng Văn H nhận được điện thoại của Phạm Văn B hỏi việc vận chuyển tiền giả, Hoàng Văn H cho Phạm Văn B biết đã đưa toàn bộ số tiền giả cho Hoàng Văn T2 vận chuyển về Việt Nam. Khi Hoàng Văn T2 đang trên đường vận chuyển tiền giả về đến thôn N (Q), xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 65/GĐ-PC54 ngày 17/6/2011 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, dạng Polyme thu giữ của Hoàng Văn T2 gồm: 699 tờ tiền mệnh giá 500.000đ/tờ = 349.500.000 đồng; 100 tờ tiền loại mệnh giá 200.000đ/tờ = 20.000.000 đồng; tổng cộng 369.500.000 đồng, qua giám định tất cả đều là tiền Việt Nam giả.

Hoàng Văn T2, Hoàng Văn T và Hoàng Văn H đã bị xử lý trong 02 vụ án về tội Vận chuyển tiền giả theo Bản án số 81/2011/HSST ngày 12/12/2011 và Bản án số 50/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn với mức hình phạt mỗi bị cáo 15 năm tù và xử lý vật chứng thu giữ được.

Phạm Văn B bỏ trốn, nên ngày 16/4/2015 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định truy nã, ngày 14/7/2015 ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra; ngày 31/01/2021 Công an tỉnh Lạng Sơn tiếp nhận Phạm Văn B ra đầu thú.

Tại Cáo trạng số: 99/CT-VKS-P1 ngày 05-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Phạm Văn B về tội Vận chuyển tiền giả theo khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội Vận chuyển tiền giả. Căn cứ khoản 3 Điều 207; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38; Điều 50; Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Văn B từ 09 năm đến 10 năm tù. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 quyển hộ chiếu do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này bị cáo Phạm Văn B có vai trò thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã thực sự nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo sinh sống tại Trung Quốc khi được gia đình cho biết bị cáo đang bị truy nã, đã chủ động ra đầu thú tại cơ quan Công an thể hiện bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện 02 vụ án Vận chuyển tiền giả. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ khoản 3 Điều 207; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38; Điều 50; Điều 58, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án thấp hơn khung hình phạt cũng là thỏa đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Bản kết luận giám định; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/6/2011 đến ngày 15/6/2011, Phạm Văn B đã trực tiếp liên hệ, thỏa thuận trao đổi với Hoàng Văn T và Hoàng Văn H trong việc vận chuyển về Việt Nam tổng số tiền giả 369.500.000 đồng. Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 15/6/2011, sau khi được Phạm Văn B, T1, L đưa đến khu vực biên giới, Hoàng Văn H nhận túi tiền giả từ T1 và đưa cho Hoàng Văn T2 vận chuyển về Việt Nam qua đường mòn khu vực thôn N (nay là thôn Q), xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì bị phát hiện, bắt quả tang. Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn B đã thực hiện hành vi Vận chuyển tiền giả, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm hoạt động phát hành, lưu hành, quản lý tiền tệ của Nhà nước Việt Nam; đe dọa xâm phạm an ninh kinh tế, tài chính tiền tệ của Việt Nam và gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi vận chuyển tiền giả là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Đây là vụ án hình sự đồng phạm giản đơn do bị cáo Phạm Văn B, Hoàng Văn T, Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2 cùng cố ý thực hiện tội phạm; trong đó Hoàng Văn T đóng vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng việc sang Trung Quốc mua tiền giả, chủ động liên lạc, rủ rê Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2 tham gia; liên lạc với bị cáo Phạm Văn B hỏi tìm nguồn tiền giả, trực tiếp liên lạc, trao đổi về giá cả, số lượng tiền giả; Hoàng Văn H là người tích cực tham gia thực hiện việc trao đổi và vận chuyển tiền giả về Việt Nam, trực tiếp mang xe mô tô đi cầm cố để vay tiền mang sang Trung Quốc trao đổi lấy tiền giả, Hoàng Văn H cũng là người trực tiếp vận chuyển tiền giả từ Trung Quốc về Việt Nam. Phạm Văn B là người liên lạc với Hoàng Văn H thỏa thuận về việc trao đổi tiền giả, người phụ nữ tên T1 là người trực tiếp cung cấp tiền giả và giao tiền giả cho Hoàng Văn H; bị cáo Phạm Văn B còn trực tiếp đi cùng Hoàng Văn H và hai người phụ nữ tên T1, L vận chuyển số tiền giả từ nhà của Phạm Văn B ở Ái Điểm, Trung Quốc về khu vực biên giới giáp địa phận thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong giai đoạn năm 2005 - 2010, trước khi phạm tội, bị cáo đã tích cực cung cấp thông tin giúp Cơ quan điều tra phát hiện, đấu tranh ngăn chặn 02 vụ Mua bán, vận chuyển tiền giả từ Trung Quốc vào Việt Nam được Lãnh đạo Công an tỉnh Lạng Sơn xác nhận (có tài liệu kèm theo hồ sơ vụ án); do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngày 31/01/2021 bị cáo ra đầu thú tại Công an tỉnh Lạng Sơn; bị cáo đã sinh sống thời gian dài bên Trung Quốc nên có phần hạn chế trong việc tiếp nhận thông tin pháp luật Việt Nam dẫn đến hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; do đó, bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Từ phân tích đánh giá trên, cần xử tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo công tác đấu tranh phòng,

chống tội phạm. Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội tích cực cung cấp thông tin, tố giác tin báo tội phạm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cũng là thỏa đáng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng: 01 quyển sổ hộ chiếu trả lại cho bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[9] Hoàng Văn T2, Hoàng Văn T và Hoàng Văn H đã bị xử lý trong 02 vụ án về các tội Lưu hành, Vận chuyển tiền giả theo Bản án số 81/2011/HSST ngày 12/12/2011 và Bản án số 50/2015/HSST ngày 25/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

[10] Đối với Trịnh Văn Q là người đã đưa Hoàng Văn H, Hoàng Văn T sang nhà Phạm Văn B tại Ái Diễm, Trung Quốc giới thiệu mua tiền giả và cho Hoàng Văn T số điện thoại của Phạm Văn B để tự liên lạc trao đổi. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, nhưng hiện nay Trịnh Văn Q không có mặt tại địa phương nên không tiến hành lấy lời khai được.

[11] Đối với Hoàng Văn Q được cùng Hoàng Văn H, Hoàng Văn T2 đem 03 xe máy đi cầm cố, rồi cùng sang nhà Phạm Văn B ở Ái Diễm, Trung Quốc; Hoàng Văn Q được Hoàng Văn H cho biết sẽ dùng số tiền cầm cố 03 chiếc xe máy để mua tiền giả, nhưng Hoàng Văn Q không biết, không tham gia vào việc trao đổi, mua bán tiền giả giữa Hoàng Văn T, Hoàng Văn H với Phạm Văn B; ngày 02/10/2014, Hoàng Văn Q có đơn tố giác hành vi phạm tội của Hoàng Văn H, Hoàng Văn T. Không đủ căn cứ xác định Hoàng Văn Q phạm tội với vai trò đồng phạm.

[12] Đối với hai người phụ nữ tên T1 và L có mặt tại nhà Phạm Văn B ở Ái Diễm, Trung Quốc khi các đối tượng trao đổi mua bán tiền giả. Phạm Văn B, Hoàng Văn T và Hoàng Văn H đều không biết họ, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở xác minh làm rõ.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và ý kiến của người bào chữa phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 207, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội Vận chuyển tiền giả.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 31/01/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Phạm Văn B 01 quyển sổ hộ chiếu số B9374508 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cấp ngày 29/7/2014.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 8 năm 2021).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Người TGT khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, Tòa HS, HS vụ án.

Chu Long Kiêm